



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀU 14 - CIENCO1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

NIÊN
MỚI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Tuy	Chủ tịch
Ông Lê Văn Vang	Ủy viên
Ông Chu Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Thuyên	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên
Ông Mai Xuân Định	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Mai Xuân Định	Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Chương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Năng Dân	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Mai Xuân Định

Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 90.03/2015/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thực hiện đối chiếu nhưng chưa đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng và phải trả phải nộp khác. Số công nợ phải thu khách hàng và phải trả phải nộp khác chưa được đối chiếu lần lượt là 104.459.717.164 đồng (chiếm 53% trong tổng số phải thu khách hàng, tương ứng 25% trên tổng tài sản) và 36.099.018.553 đồng (chiếm 10,08% trong tổng công nợ phải trả). Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng và công nợ phải trả phải nộp khác chưa được đối chiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

Handwritten red text on the right margin, possibly a date or reference number, partially cut off.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		349.144.997.773	341.587.048.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.060.896.555	14.186.276.549
1. Tiền	111		11.033.086.099	9.686.276.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.027.810.456	4.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.347.979.089	205.495.475.512
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	198.010.342.065	101.835.364.283
2. Trả trước cho người bán	132		99.687.000	93.477.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		16.842.498.662	92.873.325.152
4. Các khoản phải thu khác	135	V.3	16.641.358.449	10.693.309.077
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(24.245.907.087)	-
III. Hàng tồn kho	140		124.419.268.804	120.613.699.923
1. Hàng tồn kho	141	V.4	124.419.268.804	120.613.699.923
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.316.853.325	1.291.596.350
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		678.766.181	185.639.903
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	3.638.087.144	1.105.956.447
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.573.199.726	86.300.157.336
I. Tài sản cố định	220		20.813.785.444	19.195.346.165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	19.452.715.258	19.195.346.165
- Nguyên giá	222		129.527.073.266	130.984.661.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.074.358.008)	(111.789.315.339)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	1.361.070.186	-
II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.700.000.000	3.700.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	3.700.000.000	3.700.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		50.059.414.282	63.404.811.171
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	50.059.414.282	63.404.811.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.718.197.499	427.887.205.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		357.975.671.669	363.054.097.089
I. Nợ ngắn hạn	310		344.975.671.669	299.746.970.664
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	42.896.126.266	59.591.787.260
2. Phải trả người bán	312		11.462.939.127	13.769.064.154
3. Người mua trả tiền trước	313		58.777.619.500	1.418.869.433
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	42.759.576.892	38.367.875.141
5. Phải trả người lao động	315		7.230.819.300	2.022.241.800
6. Chi phí phải trả	316	V.12	27.548.383.437	43.639.822.246
7. Phải trả nội bộ	317		117.675.069.353	103.385.328.969
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	36.099.018.553	37.547.790.156
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		526.119.241	4.191.505
II. Nợ dài hạn	330		13.000.000.000	63.307.126.425
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	13.000.000.000	63.307.126.425
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65.742.525.830	64.833.108.581
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	65.742.525.830	64.833.108.581
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		495.831.239	495.831.239
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.646.694.591	1.337.277.342
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.600.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.718.197.499	427.887.205.670



Mai Xuân Định
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Hoàng Văn Thuyên
Kế toán trưởng

Ngô Thị Bích Liên
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	564.436.703.452	333.687.427.595
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	564.436.703.452	333.687.427.595
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	546.319.628.592	310.629.709.525
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.117.074.860	23.057.718.070
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	496.853.625	148.656.052
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	(5.552.618.768)	9.358.374.671
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(5.552.618.768)	8.612.824.493
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.559.394.226	8.145.631.420
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.392.846.973)	5.702.368.031
9. Thu nhập khác	31	VI.5	42.902.885.875	3.778.763.648
10. Chi phí khác	32	VI.6	24.001.423.754	3.280.292.579
11. Lợi nhuận khác	40		18.901.462.121	498.471.069
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.508.615.148	6.200.839.100
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.314.056.063	1.550.209.775
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.194.559.085	4.650.629.325
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.032	775

77
NG
IÊN
TỔ
TÁ
C
AL



Mai Xuân Định
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Hoàng Văn Thuyên
Kế toán trưởng

Ngô Thị Bích Liên
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	598.928.960.269	368.214.074.015
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(480.268.236.941)	(293.365.037.977)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(66.054.256.637)	(53.817.046.379)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8.308.024.178)	(3.986.933.691)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.227.626.829)	(746.027.413)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.829.309.818	10.391.286.854
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(19.738.944.763)	(14.153.123.559)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.161.180.739	12.537.191.850
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3.343.187.234)	(4.236.479.840)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.709.611.495	2.267.638.412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(633.575.739)	(1.968.841.428)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	43.681.557.239	89.182.771.173
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(75.377.218.233)	(99.372.196.164)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(957.324.000)	(9.974.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.652.984.994)	(20.163.424.991)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.125.379.994)	(9.595.074.569)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.186.276.549	23.781.351.118
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.060.896.555	14.186.276.549

TP/CH/TE/01/2014



Mai Xuân Định
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Hoàng Văn Thuyên
Kế toán trưởng

Ngô Thị Bích Liên
Người lập

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cầu 14 (doanh nghiệp nhà nước) thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1000/QĐ-BGTVT ngày 3 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016596 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 6 tháng 4 năm 2007 và thay đổi lần thứ năm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100104482 ngày 27 tháng 5 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng được chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 495 người (31 tháng 12 năm 2013 là 517 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp (cầu, đường, bến cảng, nhà máy, thủy điện, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật); Sản xuất và chế tạo cấu kiện thép, bê tông; Sửa chữa, nâng cấp và chế tạo thiết bị thi công công trình; Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ thi công công trình; và Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ thi công công trình.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết, chưa niêm yết và công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 02 đến 05 năm.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.563.851.007	873.186.410
Tiền gửi ngân hàng	8.469.235.092	8.813.090.139
Các khoản tương đương tiền (*)	2.027.810.456	4.500.000.000
Cộng	13.060.896.555	14.186.276.549

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng với lãi suất là 4%/năm.

2. PHẢN THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công trình Gói thầu A2: An Sương - An Lạc	2.899.344.348	10.580.907.625
Công trình Gói thầu A6 Nội Bài Lào Cai	-	2.564.650.000
Công trình cầu vượt Sông Đuống - Bắc Ninh	-	8.573.763.842
Công trình cầu Châu Giang	3.731.025.886	4.131.025.886
Công trình Campuchia	920.845.804	920.845.804
Công trình cầu Đập Đá, Kháng Chiến	500.000.000	3.387.171.000
Công trình Đăkpxi	2.341.292.596	5.703.196.000
Công trình cầu Kim Xuyên	2.939.625.438	11.738.076.517
Công trình Gói thầu số 3 (Nội Bài - Lào Cai)	3.476.599.770	10.382.873.313
Công trình Mông Dương - Ba Chẽ	5.366.276.773	5.366.276.773
Công trình cầu Nàng Rền	-	3.564.806.622
Công trình Ngọc Tháp	3.978.859.941	6.996.650.924
Công trình Nguyễn Văn Cừ	4.800.127.018	4.800.127.018
CT Nút giao Đồng Văn (Cty cầu 3 Thăng Long)	1.045.612.821	1.035.394.563
Công trình Sông Nhuệ (Hà Đông)	2.557.098.917	2.557.098.917
Công trình Thượng Nam Ô	1.110.650.835	1.110.650.835
Công trình cầu Tiên Phước	3.501.575.076	3.501.575.076
Cty Cầu 12	1.055.106.161	1.055.106.161
Công trình Yên Đĩnh	1.992.158.445	1.992.158.445
Công trình Gói thầu Ex-4 Hải Dương	3.505.528.355	4.917.662.160
Khu vực - Vũng tàu	2.103.692.661	2.103.692.661
Tổng Công ty XDCT Giao thông I	92.477.188.116	-
Công trình Đồng Quang	26.704.784.000	-
Công trình cầu Thác Mạ	9.568.115.595	-
Công trình Bút Sơn	8.166.656.400	-
Đối tượng khác	13.268.177.109	4.851.654.141
Cộng	198.010.342.065	101.835.364.283

HCT
 CẢ
 ACH
 TIỀN
 VÀ
 QU
 G I

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hội đồng BHTT&TĐC CPMB cầu Bút Sơn huyện Hoảng Hoá	8.740.878.000	-
Công ty CP Xây dựng công trình 120	769.318.731	769.318.731
Công ty CP Xây dựng công trình 136	668.748.755	668.748.755
Công ty CP Xây dựng công trình 1	519.052.672	519.052.672
Phí Ngọc Tú - đội Cơ Giới	386.168.000	386.168.000
Nguyễn Quang Phúc - Bệnh xá	361.973.900	361.973.900
Công ty Công trình giao thông 121	340.479.857	340.479.857
Lê Thanh Minh - PM	296.744.500	296.744.500
Công ty XDCT giao thông 133 - nay Cty cầu đường 19 (cổ phiếu)	291.460.815	287.449.906
Cty CP XD CTGT246	272.165.571	272.165.571
Lương Văn Tú - XCK	242.734.500	262.734.500
Vũ Quang Tạo - TCCBLĐ	226.000.000	246.000.000
Quách Văn Tám - Đội phó	204.258.000	205.000.000
Nguyễn Văn Khiêm - Thống kê	186.602.700	186.602.700
Nguyễn Thị Hải - Đội xe máy thiết bị	186.155.600	186.155.600
Chi nhánh Công ty cầu 75	177.857.218	177.857.218
Phải thu khác	2.770.759.630	5.526.857.167
Cộng	16.641.358.449	10.693.309.077

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.085.906.695	16.271.954.601
Công cụ, dụng cụ	161.690.998	116.474.827
Chi phí SXKD dở dang	107.171.671.111	104.225.270.495
Cộng	124.419.268.804	120.613.699.923

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	506.163.035	1.105.956.447
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.131.924.109	-
+ Bảo lãnh thực hiện CT Nhà Ga Nhỏ	1.599.952.204	-
+ Bảo lãnh thực hiện CT Cầu Đồng Quang	1.078.059.193	-
+ Bảo lãnh thực hiện CT EX1B	453.912.712	-
Cộng	3.638.087.144	1.105.956.447

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1

Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. THUYẾT MINH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Tại ngày 01/01/2014	7.664.858.209		108.983.069.001		12.063.154.926		2.273.579.368		130.984.661.504	
Mua trong kỳ	-		6.565.595.245		-		-		6.565.595.245	
Thanh lý, nhượng bán	-		(8.023.183.483)		-		-		(8.023.183.483)	
Tại ngày 31/12/2014	7.664.858.209		107.525.480.763		12.063.154.926		2.273.579.368		129.527.073.266	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2014	4.419.843.890		97.254.665.467		8.390.208.970		1.724.597.012		111.789.315.339	
Khấu hao trong kỳ	283.534.560		2.694.465.445		752.666.005		199.444.328		3.930.110.338	
Thanh lý, nhượng bán	-		(5.419.846.324)		-		-		(5.419.846.324)	
Giảm khác (*)	(9.312.625)		(93.567.537)		-		(122.341.183)		(225.221.345)	
Tại ngày 31/12/2014	4.694.065.825		94.435.717.051		9.142.874.975		1.801.700.157		110.074.358.008	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2014	3.245.014.319		11.728.403.534		3.672.945.956		548.982.356		19.195.346.165	
Tại ngày 31/12/2014	2.970.792.384		13.089.763.712		2.920.279.951		471.879.211		19.452.715.258	

(*) Giảm khác do Công ty điều chỉnh giảm giá trị hao mòn lũy kế do năm 2013 điều chỉnh giảm tài sản cố định theo TT45 nhưng chưa điều chỉnh chi phí khấu hao.

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 91.751.020.711 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư hình thành tài sản cố định	1.361.070.186	-
Cộng	1.361.070.186	-

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Nội dung đầu tư	Tai ngày 31/12/2014		Tai ngày 01/01/2014	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty CP XDCT Giao thông 133 (nay đổi tên thành Công ty CP Xây dựng Cầu đường 19)	370.000	3.700.000.000	370.000	3.700.000.000
Cộng		3.700.000.000		3.700.000.000

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ (*)	50.059.414.282	63.404.811.171
Cộng	50.059.414.282	63.404.811.171

(*) Là vật tư luân chuyển và công cụ dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (*)	5.526.930.426	26.096.362.267
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Gia Lâm	12.188.250.950	12.238.250.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	15.097.174.043
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở (**)	6.680.944.890	-
Công ty Cổ phần Ao Vua	18.500.000.000	5.500.000.000
Cá nhân khác	-	660.000.000
Cộng	42.896.126.266	59.591.787.260

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(*) Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 01A/2014-HĐTĐNT/NHCT128-CAU14-CP3C giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Công ty Cổ phần Cầu 14 - CIENCO1 ngày 11 tháng 10 năm 2014. Khoản tín dụng này được rút bằng đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 22.800.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, tối đa không quá ngày 08/10/2015. Thời hạn cho vay các khoản nợ là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí hợp lệ hợp pháp để thực hiện thi công Cầu đường sắt Tháp Chàm và Sông Quao thuộc Dự án nâng cao an toàn Cầu đường sắt trên tuyến Hà Nội-TP.Hồ Chí Minh, gói xây lắp số 3C theo hợp đồng thầu phụ ngày 12/12/2013 giữa liên danh Rinkai - RCC với công ty cổ phần Cầu 14 - Cienco1. Việc thanh toán lãi vay (lãi vay trong hạn, lãi phạt nợ gốc quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi) được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm là quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ hợp đồng thầu phụ phát sinh ngày 12/12/2013 ký giữa Liên danh RINKAI-RCC và Công ty Cổ phần Cầu 14 về việc thi công cầu đường sắt Tháp Chàm và Sông Quao thuộc dự án nâng cao an toàn Cầu đường sắt trên tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, gói xây lắp số 3C.

(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 20140614/HĐCHMTD/CMB-CAU14 ngày 17 tháng 06 năm 2014. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, Trong đó, Hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh bằng hạn mức tín dụng trừ dư nợ thực tế. Công ty sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình giao thông của Khách hàng. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức được quy định trong từng kế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 10 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ hợp đồng thầu phụ phát sinh về việc thi công công trình EX1B.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	36.414.102.938	32.873.685.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.330.102.224	5.243.672.990
Thuế thu nhập cá nhân	173.630.226	69.881.826
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	841.741.504	180.635.288
Cộng	42.759.576.892	38.367.875.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả:		
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	27.548.383.437	25.482.629.570
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Thành Công	-	18.157.192.676
Cộng	27.548.383.437	43.639.822.246

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	147.840.800	96.708.800
Bảo hiểm xã hội	18.388.539.156	15.426.681.581
Phải trả cổ tức cho DATC	1.979.452.055	1.479.452.055
Phải trả phải nộp khác	15.583.186.542	20.544.947.720
Cộng	36.099.018.553	37.547.790.156

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN	13.000.000.000	63.307.126.425
Cộng	13.000.000.000	63.307.126.425

Theo hợp đồng kinh tế số 425/2008/HĐKT-MBN giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thành Đô và Công ty Mua bán nợ & tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) ngày 30 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thành Đô đồng ý bán và Công ty Mua bán nợ & Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp đồng ý mua theo phương thức miễn truy đòi toàn bộ khoản nợ phải thu (bao gồm gốc và lãi) đến thời điểm ký hợp đồng này bao gồm các quyền của chủ nợ đối với khách nợ, quyền xử lý tài sản đảm bảo và các quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Thành Đô tại Công ty Cổ phần Cầu 14 (khách nợ) theo các hợp đồng vay vốn được ký giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô với Công ty Cổ phần Cầu 14. Theo biên bản giao tài sản thay thế nghĩa vụ trả nợ số 02/2014/DATC - CAU 14, Công ty Cổ phần Cầu 14 thực hiện bàn giao toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với đất thuê trên diện tích 14.905 m2 (chi tiết tài sản bàn giao gồm khu đất và công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại số 144/95 phố Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội). Hai bên thỏa thuận xác định tổng giá trị tài sản bàn giao thay thế nghĩa vụ trả nợ là 35.307.126.425 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000.000	529.831.239	1.104.745.876	2.227.160.823	63.861.737.938
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.650.629.325	4.650.629.325
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	232.531.466	(232.531.466)	-
Sử dụng quỹ	-	(34.000.000)	-	-	(34.000.000)
Trích quỹ KTPL	-	-	-	(645.258.682)	(645.258.682)
Tại ngày 01/01/2014	60.000.000.000	495.831.239	1.337.277.342	3.000.000.000	64.833.108.581
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.194.559.085	6.194.559.085
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	309.417.249	(309.417.249)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	(2.278.927.736)	(2.278.927.736)
Giảm khác	-	-	-	(6.214.100)	(6.214.100)
Tại ngày 31/12/2014	60.000.000.000	495.831.239	1.646.694.591	3.600.000.000	65.742.525.830

(*) Theo Nghị quyết số 150/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2014 ngày 19 tháng 04 năm 2014, Công ty trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 5% tương đương 3 tỷ đồng.

b. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình giao thông. Trong năm 2014, Công ty chủ yếu thi công xây dựng cầu. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở duy nhất đặt tại số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đồng thời, trong năm 2014, Công ty thực hiện thi công xây dựng cầu trên phạm vi cả nước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	564.436.703.452	333.687.427.595
Cộng	564.436.703.452	333.687.427.595

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	546.319.628.592	310.629.709.525
Cộng	546.319.628.592	310.629.709.525

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	496.853.625	148.656.052
Cộng	496.853.625	148.656.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	(5.552.618.768)	7.612.824.493
Lãi tiền vay	6.987.380.206	8.612.824.493
Lãi tiền vay các năm trước được miễn giảm	(12.539.998.974)	(1.000.000.000)
Chi phí tài chính khác	-	1.745.550.178
Cộng	(5.552.618.768)	9.358.374.671

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng tài sản và quyền sử dụng đất	35.307.126.425	-
Thu từ thanh lý tài sản	3.834.898.500	3.073.910.789
Thu từ cho thuê thiết bị	3.333.600.323	1.471.218.823
Điều chỉnh giảm các năm trước	-	(819.090.909)
Thu nhập khác	427.260.627	52.724.945
Cộng	42.902.885.875	3.778.763.648

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý vật tư, tài sản cố định	3.732.195.023	1.706.678.845
Chi phí cho thuê mặt bằng	3.278.678.512	1.544.885.734
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.757.020.537	-
Chi phí khác	15.233.529.682	28.728.000
Cộng	24.001.423.754	3.280.292.579

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	8.508.615.148	6.200.839.100
Thu nhập chịu thuế	8.508.615.148	6.200.839.100
Thuế suất hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.871.895.333	1.550.209.775
Truy thu thuế TNDN (*)	442.160.730	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.314.056.063	1.550.209.775

(*) Truy thu thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế của cục thuế Hà Nội ngày 17 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.194.559.085	4.650.629.325
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu năm	6.000.000	6.000.000
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối năm	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.032	775

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	334.139.499.991	166.817.711.977
Chi phí nhân công	53.699.358.310	46.402.444.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.903.110.338	4.639.590.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.037.157.762	51.147.092.571
Chi phí khác bằng tiền	77.188.164.844	36.620.194.113
Cộng	563.967.291.245	305.627.033.249

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn.**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.060.896.555	14.186.276.549
Phải thu khách hàng và phải thu khác	190.405.793.427	200.287.071.857
Đầu tư dài hạn	3.700.000.000	3.700.000.000
Cộng	207.166.689.982	218.173.348.406
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	55.896.126.266	122.898.913.685
Phải trả người bán và phải trả khác	47.561.957.680	51.316.854.310
Chi phí phải trả	27.548.383.437	43.639.822.246
Cộng	131.006.467.383	217.855.590.241

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	47.561.957.680	-	47.561.957.680
Chi phí phải trả	27.548.383.437	-	27.548.383.437
Các khoản vay	42.896.126.266	13.000.000.000	55.896.126.266
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	51.316.854.310	-	51.316.854.310
Chi phí phải trả	43.639.822.246	-	43.639.822.246
Các khoản vay	59.591.787.260	63.307.126.425	122.898.913.685

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.060.896.555	-	13.060.896.555
Phải thu khách hàng và phải thu khác	190.405.793.427	-	190.405.793.427
Đầu tư tài chính	-	3.700.000.000	3.700.000.000
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.186.276.549	-	14.186.276.549
Phải thu khách hàng và phải thu khác	200.287.071.857	-	200.287.071.857
Đầu tư tài chính	-	3.700.000.000	3.700.000.000

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu	254.541.689.999	136.612.502.771
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	254.541.689.999	136.612.502.771
Số dư với các bên liên quan:	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu	95.346.498.319	90.627.708.700
Tổng Công ty Xây dựng CTGT 1	92.477.188.116	87.758.398.497
Công ty Cổ phần cầu 12	1.055.106.161	1.055.106.161
Công ty CP Phát triển đầu tư và xây dựng 115	69.600.000	69.600.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng 121 - Cienco 1	340.479.857	340.479.857
Công ty CP Đầu tư và xây dựng công trình 134	133.201.338	133.201.338
Công ty CP Xây dựng công trình 136	668.748.755	668.748.755
Công ty CP Xây dựng công trình 1	519.052.672	519.052.672
Công ty CP ĐTXD và thương mại du lịch - Cienco1	83.121.420	83.121.420
Các khoản phải trả	9.615.258.833	25.888.576.164
Tổng Công ty Xây dựng CTGT 1	9.615.258.833	25.888.576.164

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1

Số 144/95 đường Vũ Xuân Thiều
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.



Mai Xuân Định
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Hoàng Văn Thuyên
Kế toán trưởng

Ngô Thị Bích Liên
Người lập